

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-PT

Ngày 12 - 01- 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 12 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 369/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh H, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1979 (Là đại diện theo ủy quyền - có mặt);

Địa chỉ: Số 19/8A, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Trần Thị Thanh Tr, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh H trình bày:

Do chỗ hàng xóm láng giềng tin tưởng nhau, nên bà có cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị Thanh Tr mượn số tiền như sau:

- Ngày 15/8/2020 (âm lịch), mượn số tiền 30.000.000 đồng, hứa trả vào ngày 15/8/2021;
- Ngày 07/11/2020 (âm lịch), mượn 06 chỉ vàng 24K, (dây chuyền), hứa mượn 01 tháng sẽ trả lại;
- Ngày 08/12/2020 (âm lịch), mượn số tiền 120.000.000 đồng, hứa một tháng sẽ trả;
- Ngày 15/01/2020 (âm lịch), mượn số tiền 150.000.000 đồng, hứa một tháng sẽ trả.

Khi mượn tiền và vàng bà Tr, ông T có viết giấy thỏa thuận thay biên nhận vay tiền, bà Tr đại diện ký tên vào biên nhận. hai bên thỏa thuận một tháng sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền và vàng. Nhưng đến hạn trả nợ thì ông T bà Tr không trả số tiền đã mượn của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh H yêu cầu Tòa án buộc ông T bà Tr phải có nghĩa vụ trả số tiền mượn còn nợ tổng cộng là 300.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24K, thực hiện trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Số tiền nợ bà H là do chị Tr mượn riêng, ông không có biết và ông không có mượn tiền của bà H, nên ông không có nghĩa vụ phải trả cho bà H.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh Tr trình bày: Bà Tr thừa nhận có mượn của bà H và viết biên nhận với số tiền 300.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24K như bà H trình bày và yêu cầu trả cho bà H là đúng, bà cũng đồng ý cùng với chồng là ông T trả số tiền và nợ của bà H. Bà cũng trình bày số tiền và vàng đã mượn là để lo cho gia đình và lo cho các con ăn học. Bà sẽ trả tiền cho bà H khi bà bán được đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh H: tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc bà Tr, ông T trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24K thực hiện trả một lần khi bản án có hiệu lực. Nếu xử xong mà bà Tr, ông T trả liền thì bà không tính lãi, còn chậm trả thì phải trả tiền lãi suất tương ứng với số tiền và vàng đã mượn.

Bị đơn ông Lê Văn T (đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Mỹ X) trình bày: Số tiền, vàng nợ của bà H là do bà Tr mượn riêng, ông không có biết và ông không có mượn tiền, mượn vàng của bà H, nên ông không có nghĩa vụ phải trả cho bà H.

Bà Trần Thị Thanh Tr trình bày: đồng ý trả nợ cho bà H số tiền, vàng còn nợ như bà H yêu cầu. Số tiền này bà Tr sử dụng vào việc cải tạo vườn, nuôi bò, sử dụng trong việc chi tiêu cuộc sống gia đình, nuôi con ăn học nên yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà thực hiện việc trả nợ tiền, vàng vay mượn của bà H. Việc bà mượn tiền, mượn vàng của bà H đều nói cho ông T biết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 24, 25 và 26, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh H, buộc bà Trần Thị Thanh Tr và ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Minh H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và 06 (sáu) chỉ vàng 24K. Thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/8/2022, bị đơn ông Lê Văn T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vấn đề sau: Không đồng ý liên đới cùng bà Trần Thị Thanh Tr trả cho bà Trần Thị Minh H số tiền 300.000.000 đồng và 6 chỉ vàng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông T, bà Tr có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng là không có căn cứ. Chị Tr không có chứng cứ chứng minh số nợ trên được sử dụng vào mục đích cho sinh hoạt thiết yếu của gia đình nên đây là nợ của cá nhân chị Tr. Do đó, ông Lê Văn T kháng cáo cho rằng khoản nợ trên là nợ của cá nhân bà Tr nên không đồng ý liên đới trả nợ là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm ông Lê Văn T nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo của ông Lê Văn T.

Ông Lê Văn T kháng cáo cho rằng khoản nợ trên là nợ của cá nhân bà Tr nên không đồng ý liên đới trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 05/01/2023, bà Tr cho rằng, bà vay tiền, vàng của bà H nhằm mục đích sử dụng vào việc cải tạo vườn, mướn đất nuôi cá, nuôi bò, sử dụng trong việc chi tiêu cuộc sống gia đình, nuôi con ăn học nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, ông T phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà trả cho bà H số tiền 300.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 12/01/2022, bà Tr trình bày, quá trình chung sống, vợ chồng bà không có vốn làm ăn nên phải vay tiền nhiều người từ năm 1999. Theo bà Tr, vợ chồng bà nuôi vịt bị dịch H5N1, lỗ 15.000.000 đồng; nuôi heo bệnh lỗ 100.000.000 đồng; thời điểm năm 1999, khi bà về sống chung với ông T, ông đã mắc nợ như: nợ cô ruột 28.000.000 đồng, nợ cô Út L 6.500.000 đồng, nợ cô B 15.000.000 đồng. Các khoản nợ đều có lãi nên phải mượn nợ để trả lãi. Năm 2005-2006, vợ chồng bà mướn 09 công đất và đầu tư nuôi cá hết khoảng 450.000.000 đồng nhưng thu lời chỉ có vài chục triệu đồng. Đến năm 2012-2014, vợ chồng bà lại tiếp tục mướn đất của cha mẹ chồng và đầu tư 300.000.000 đồng để nuôi cá nhưng bị lỗ. Khi mua gần 01 công đất và cất nhà vào năm 1999, vợ chồng bà phải vay tiền. Tổng số nợ trong thời gian sống chung với ông T khoảng gần 1 tỷ đồng. Do đó, bà phải vay 43 người với tổng số tiền trên 5 tỷ đồng để trả vốn và lãi các khoản nợ cũ. Ông T hứa bán đất để trả nợ nhưng không trả nên tháng 12/2021, bà nộp đơn ly hôn tại Tòa án để giải quyết chia tài sản và chia nợ chung. Tuy nhiên, ông T không đồng ý trả nợ nên bà rút đơn về để các chủ nợ khởi kiện.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà H và bà Tr yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là không có căn cứ vì các lý do sau:

Trước hết, lời trình bày của bà Tr tại phiên tòa phúc thẩm có nhiều mâu thuẫn về mục đích sử dụng số tiền vay. Tại phiên tòa ngày 05/01/2023, bà cho rằng vay tiền của bà H nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nhưng tại phiên tòa ngày 12/01/2023, bà lại cho rằng vay số tiền trên nhằm trả tiền cho các khoản nợ

cũ. Trong khi đó, bà Tr và ông T đều thống nhất, năm 2014, vợ chồng bà được bồi thường số tiền khoảng 360.000.000 đồng, đã sử dụng số tiền này để trả nợ.

Căn cứ vào các tài liệu cho ông T cung cấp là các bản án sơ thẩm của các nguyên đơn khác thể hiện, trong thời gian cuối năm 2020, đầu năm 2021, không những vay tiền của bà H, bà Tr còn vay tiền của nhiều người khác với tổng số tiền vay có tháng từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng. Tất cả các khoản vay đều do bà Tr đứng ra giao dịch và làm biên nhận với nguyên đơn, ông T không ký tên vào biên nhận. Cụ thể:

Tháng 9/2020 (âm lịch): vay của bà Nguyễn Thị S 66.000.000 đồng, vay 40.000.000 đồng của bà Trà Thị Thu T (Bản án số 54/2022/DS-ST ngày 08/8/2022; Bản án số 72/2022/DS-ST ngày 06/9/2022).

Tháng 10/2020 (âm lịch): vay của bà Nguyễn Thị Anh T 100.000.000 đồng, vay 100.000.000 đồng của ông Nguyễn Thành T (Bản án số 65/2022/DS-ST ngày 24/8/2022; Bản án số 53/2022/DS-ST ngày 08/8/2022).

Tháng 11/2020 (âm lịch): vay của bà Nguyễn Thị Anh T 80.000.000 đồng, vay 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Thành T; vay 06 chỉ vàng 24k của bà Trần Thị Minh H (Bản án số 65/2022/DS-ST ngày 24/8/2022; Bản án số 53/2022/DS-ST ngày 08/8/2022; Bản án số 68/2022/DS-ST ngày 30/8/2022).

Tháng 12/2020 (âm lịch): vay của bà Nguyễn Thị S 38.000.000 đồng và 54.000.000 đồng; vay của bà Nguyễn Thị Minh T 120.000.000 đồng, vay 120.000.000 đồng của bà Trần Thị Minh H (Bản án số 65/2022/DS-ST ngày 24/8/2022; Bản án số 68/2022/DS-ST ngày 30/8/2022; Bản án số 72/2022/DS-ST ngày 06/9/2022).

Tháng 01/2021 (âm lịch): vay bà Bùi Thị Ngọc D 50.000.000 đồng, vay của bà Trần Thị Minh H 150.000.000 đồng (Bản án số 69/2022/DS-ST ngày 30/8/2022; Bản án số 68/2022/DS-ST ngày 30/8/2022).

Theo các Biên bản xác minh ngày 03/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, chính quyền địa phương cũng như những người làm chứng là hàng xóm gần nhà ông T đều xác định, vợ chồng ông T không có làm ăn hay kinh doanh tại địa phương. Quá trình chung sống, ông bà không có tạo lập tài sản mới; Ông T chăn nuôi bò, làm vườn, bà Tr là giáo viên tiểu học.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mới thu thập được cũng như diễn biến phiên tòa cho thấy, trong một thời gian ngắn, số tiền, vàng bà Tr vay của bà H và nhiều người khác là rất lớn. Trong khi đó, vào thời điểm nêu trên, dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Bà Tr không thể vay số tiền lớn trong một thời gian ngắn chỉ để sử dụng vào mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, cải tạo vườn, nuôi con ăn học vì ông bà đều có nguồn thu nhập riêng. Đồng thời, bà Tr không chứng minh được số tiền vốn và lãi phải trả hàng tháng của các khoản nợ cũ, dẫn đến việc bà phải vay, mượn tiền của nhiều người với số tiền lên tới hàng trăm triệu đồng mỗi tháng.

Bên cạnh đó, lời trình bày của nguyên đơn cũng như bị đơn có nhiều điểm bất hợp lý về giao dịch vay tiền: bà H cho bà Tr vay số tiền nhiều, có thời hạn 01 tháng, đến thời hạn trả tiền, bà Tr không trả nhưng bà H vẫn tiếp tục cho bà Tr vay số tiền nhiều hơn; Khi vay tiền, giữa bà H và bà Tr không làm biên nhận, không yêu cầu tính lãi dù số tiền cho vay lớn; Đến khi bà Tr bế nợ, bà H mới yêu cầu bà Tr làm biên nhận nhưng không yêu cầu ông T ký tên dù nhà bà cách nhà ông T 200m-300m. Phía bà Tr cho rằng, hai vợ chồng cùng vay tiền nhưng không yêu cầu ông T cùng ký tên vào các biên nhận vì chủ nợ không yêu cầu.

Theo bà H, khi bế nợ ông T có khóc với bà yêu cầu không làm lớn chuyện. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa số tiền, vàng bà Tr vay của bà H được sử dụng cho mục đích đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình, để buộc ông T có nghĩa vụ liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do chỉ cá nhân bà Tr giao dịch vay tiền, vàng của bà H và bà không chứng minh được các khoản vay này được sử dụng vào mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông T cùng bà Tr có nghĩa vụ liên đới trả tiền, vàng cho bà H là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của ông T được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, Khoản 3 Điều 26, điểm b Khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T.

Sửa bản án sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh H.

Buộc bà Trần Thị Thanh Tr phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Minh H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và 06 (sáu) chỉ vàng 24K. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Ông Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001977 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.530.000 đồng.

Bà Trần Thị Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 8.250.000 đồng theo biên lai thu số 0002388 ngày 14/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- THADS thị xã C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương